

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ BẢO TRÌ CẦU ĐƯỜNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
cùng với báo cáo của kiểm toán viên*

Mã số thuế: 1301014294

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-26

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Xây Dựng Và Bảo Trì Cầu Đường (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Bảo Trì Cầu Đường tiền thân là Đoàn quản lý Giao thông Thủy bộ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301014294, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 08 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 28 tháng 09 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: 711C, ĐT 885, ấp Phú Hào, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Văn Nhường	Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Đình Châm	Thành viên HĐQT
Ông Phan Thanh Truyền	Thành viên HĐQT

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thanh Truyền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Lộc	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Quang Tính	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01/01/2024
Ông Nguyễn Đình Huân	Thành viên	
Bà Phan Thị Liên	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán I.T.O đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tiếp theo)

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2024

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Huỳnh Văn Nhường

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Và Bảo Trì Cầu Đường

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Xây Dựng Và Bảo Trì Cầu Đường (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11 tháng 06 năm 2024, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa ghi nhận chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi của các khách hàng được thuyết minh tại mục số 5.4 trên Thuyết minh báo cáo tài chính với giá trị 559.991.200 VND, đồng thời Công ty chưa ghi nhận khoản chi phí phải trả là chi phí lãi quá hạn thanh toán cho Công ty TNHH Bê Tông Kiều Lan với số tiền 187.744.192 VND theo Biên bản đối chiếu công nợ tại ngày 31/12/2023. Việc chưa ghi nhận các khoản chi phí trên là chưa phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam. Nếu ghi nhận các khoản chi phí này thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ tiêu "Chi phí quản lý kinh doanh" mã số 26 và chỉ tiêu "Chi phí khác" mã số 32 sẽ tăng lên lần lượt là 559.991.200 VND và 187.744.192 VND, chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" cũng giảm đi tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Xây Dựng Và Bảo Trì Cầu Đường tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 06 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán I.T.O



[Handwritten signature]

Lê Thị Minh Nguyệt

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1844-2023-131-1

Lê Thị Mỹ Linh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4159-2022-131-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.259.503.357	15.652.894.811
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	626.066.266	1.819.576.665
1. Tiền	111		626.066.266	1.819.576.665
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.296.199.158	7.050.324.266
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	7.622.619.158	6.026.679.127
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	673.580.000	1.023.645.139
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	5.210.396.844	6.732.433.880
1. Hàng tồn kho	141		5.210.396.844	6.732.433.880
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		126.841.089	50.560.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	33.706.667	50.560.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	93.134.422	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.539.477.000	1.975.424.352
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.539.477.000	1.975.424.352
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.539.477.000	1.975.424.352
- Nguyên giá	222		14.185.363.857	14.275.363.857
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.645.886.857)	(12.299.939.505)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		15.798.980.357	17.628.319.163

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.490.339.469	3.775.657.172
I. Nợ ngắn hạn	310		2.490.339.469	3.775.657.172
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	1.627.676.296	3.628.697.732
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	493.754.073	146.959.440
4. Phải trả người lao động	314		257.942.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	110.967.100	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.308.640.888	13.852.661.991
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.11	13.308.640.888	13.852.661.991
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		13.000.000.000	13.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.000.000.000	13.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		140.000.000	140.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		168.640.888	712.661.991
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		-	712.661.991
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ này	421b		168.640.888	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		15.798.980.357	17.628.319.163

Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2024

Người lập

Nguyễn Phát Nguyễn

Kế toán trưởng

Nguyễn Phát Nguyễn

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Truyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	26.536.905.986	29.845.162.630
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		26.536.905.986	29.845.162.630
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	22.761.233.989	25.694.338.401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.775.671.997	4.150.824.229
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.470.647	1.950.550
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	3.093.603.160	3.239.851.968
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		684.539.484	912.922.811
11. Thu nhập khác	31	6.5	72.193.862	230.467.360
12. Chi phí khác	32	6.6	436.745.789	-
13. Lợi nhuận khác	40		(364.551.927)	230.467.360
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		319.987.557	1.143.390.171
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.7	151.346.669	228.678.034
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		168.640.888	914.712.137
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	130	704

Người lập

Nguyễn Phát Nguyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Phát Nguyên

Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2024

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Truyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		27.323.193.798	36.062.202.105
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(14.788.563.684)	(23.450.198.712)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.056.535.810)	(2.884.239.017)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(38.678.034)	(223.675.812)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.442.908.259	11.644.450.795
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.372.610.869)	(19.754.073.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(490.286.340)	1.394.465.667
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.470.647	1.950.550
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.470.647	1.950.550
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(705.694.706)	(657.182.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(705.694.706)	(657.182.950)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.193.510.399)	739.233.267
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.819.576.665	1.680.343.398
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	5.1	626.066.266	1.819.576.665

Người lập

Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Phát Nguyễn

Nguyễn Phát Nguyễn

Phan Thanh Truyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Bảo Trì Cầu Đường tiền thân là Đoàn quản lý Giao thông Thủy bộ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1301014294, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 08 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 28 tháng 09 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: 711C, ĐT 885, ấp Phú Hào, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 13.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 13.000.000.000 đồng; tương đương 1.300.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tên chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)	VND
UBND tỉnh Bến Tre	36,00	4.680.000.000
Trần Ngọc Sơn	0,24	31.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng Phan Đình	63,76	8.289.000.000
Cộng	100,00	13.000.000.000

Lĩnh vực kinh doanh: Thi công xây dựng công trình

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chính)
Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông đường bộ;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
Chi tiết: Bảo trì các công trình giao thông;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết: Tư vấn thiết kế, lập và đánh giá hồ sơ mời thầu, giám sát thi công công trình giao thông;
- Hoàn thiện công trình xây dựng.

Số lượng nhân viên: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 44 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 51 nhân viên).

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

4.2 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023***(Tiếp theo)***4.4 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

4.6 Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15	năm

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**(Tiếp theo)*

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**(Tiếp theo)***4.11 Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu./Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

4.13 Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	153.201.048	816.779.830
Tiền gửi ngân hàng - VND [1]	472.865.218	1.002.796.835
	626.066.266	1.819.576.665

[1] Trong đó:

- Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	38.832.802	368.548.935
- Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam	1.772.146	2.028.246
- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn - Hà Nội	425.463.088	576.895.053
- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bưu Điện Liên Việt	1.554.439	52.083.868
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	5.242.743	3.240.733

5.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Ban Quản lý, bảo trì công trình đường bộ	3.421.855.000	-
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư & Xây Dựng Đại Phước An	426.005.850	792.139.000
- Sở Giao Thông Vận Tải Tỉnh Bến Tre	120.449.483	787.951.000
- Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Huyện Mô Cày Nam	1.296.048.120	3.348.058.171
- Sở Văn Hóa, Thể Thao Và Du Lịch Tỉnh Bến Tre	1.303.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.055.260.705	1.098.530.956
	7.622.619.158	6.026.679.127

5.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
- Tạm ứng [2]	95.800.000	-	558.770.078	-
- Ký cược, ký quỹ [3]	577.780.000	-	308.280.000	-
- Chênh lệch thuế				
GTGT phải nộp chưa	-	-	156.595.061	-
rõ nguyên				
	673.580.000	-	1.023.645.139	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

[2] Trong đó:	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Cao Thị Mỹ Tiên	14.800.000	-
- Lê Hoàng Dũng	-	1.300.000
- Lê Hoàng Tuấn	40.000.000	-
- Nguyễn Ngọc Thảo	-	43.713.592
- Nguyễn Đình Tuấn	-	200.000.000
- Lê Nhật Bằng	-	72.736.486
- Trần Ngọc Tuyết Đan	26.000.000	34.500.000
- Lê Văn Lam	15.000.000	206.520.000
[3] Trong đó:		
- Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn - Hà Nội - Ký quỹ đảm bảo thực hiện hợp đồng	308.280.000	308.280.000
- Sở Tài Chính Tỉnh Bến Tre	100.000.000	-
- Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Huyện Mô Cày Nam	110.000.000	-
- Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi Nhánh Tiền Giang	59.500.000	-

5.4 NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	559.991.200	-	661.952.700	-
+ Ban Quản Lý Công Trình				
Giao Thông Đô Thị Và Vệ Sinh	133.985.350	-	133.985.350	-
Môi Trường Huyện Ba Tri				
+ Cảng Vụ Đường Thủy Nội				
Địa Bến Tre	-	-	101.961.500	-
+ Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Xây Dựng Đại Phước An	426.005.850	-	426.005.850	-
	559.991.200	-	661.952.700	-

5.5 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	525.496.844	-	210.496.844	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang [4]	4.684.900.000	-	6.521.937.036	-
	5.210.396.844	-	6.732.433.880	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

[4] Bao gồm các công trình xây dựng, thi công còn dở dang:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Sân lễ huyện Ba Tri (Mộ Nguyễn Đình Chiểu)	-	983.691.450
- Nâng cấp, cải tạo tuyến đường phân khu 2 (PK2) (Đoạn từ QL57 đến cầu 17/1 mới), Thị trấn Mô Cày	-	2.155.154.344
- Duy tu, bảo dưỡng thường xuyên cầu đường tỉnh, cầu đường huyện	1.289.615.186	1.419.996.951
- Duy tu, bảo dưỡng thường xuyên QL.57, QL.60	3.395.284.814	1.085.245.141
- Công trình khác	-	877.849.150

5.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	5.007.263.963	832.873.510	8.435.226.384	14.275.363.857
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(90.000.000)	(90.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	5.007.263.963	832.873.510	8.345.226.384	14.185.363.857
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.531.043.463	673.607.380	8.095.288.662	12.299.939.505
- Khấu hao trong kỳ	199.187.909	40.621.067	188.386.784	428.195.760
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(82.248.408)	(82.248.408)
Số dư cuối năm	3.730.231.372	714.228.447	8.201.427.038	12.645.886.857
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.476.220.500	159.266.130	339.937.722	1.975.424.352
Tại ngày cuối năm	1.277.032.591	118.645.063	143.799.346	1.539.477.000

Trong đó:

5.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí sửa sà lan	33.706.667	50.560.000
	33.706.667	50.560.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

5.8 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH Bé Tông Kiều Lan	891.896.400	891.896.400	1.499.306.400	1.499.306.400
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông 674	-	-	654.005.000	654.005.000
- Công ty CP Xây Dựng Bình Nam	346.500.000	346.500.000	-	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng Khang Minh T & T	179.910.636	179.910.636	651.870.542	651.870.542
- Phải trả các đối tượng khác	209.369.260	209.369.260	823.515.790	823.515.790
	1.627.676.296	1.627.676.296	3.628.697.732	3.628.697.732

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ BẢO TRÌ CẦU ĐƯỜNG

711C, ĐT 885, ấp Phú Hào, Xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

Báo cáo tài chính**Mẫu số B 09-DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**(Tiếp theo)***5.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	108.281.406	974.891.893	740.765.895	-	342.407.404
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	38.678.034	151.346.669	38.678.034	-	151.346.669
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	15.117.821	108.252.243	93.134.422	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	307.059.094	307.059.094	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	146.959.440	1.452.415.477	1.198.755.266	93.134.422	493.754.073

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.10 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	35.967.100	-
- Phải trả khác- Công ty TNHH MTV Xây Dựng Và Phát Triển Đô Thị Bến Tre	75.000.000	-
	110.967.100	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Tiếp theo)

5.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	13.000.000.000	-	90.000.000	663.671.283	13.753.671.283
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	914.712.137	914.712.137
Phân phối lợi nhuận	-	-	50.000.000	(976.893.092)	(926.893.092)
Tăng khác	-	-	-	313.221.811	313.221.811
Giảm khác	-	-	-	(202.050.148)	(202.050.148)
Số dư cuối năm trước	13.000.000.000	-	140.000.000	712.661.991	13.852.661.991
Số dư đầu năm nay	13.000.000.000	-	140.000.000	712.661.991	13.852.661.991
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	168.640.888	168.640.888
Phân phối lợi nhuận [5]	-	-	-	(712.661.991)	(712.661.991)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	13.000.000.000	-	140.000.000	168.640.888	13.308.640.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

[5] Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 124/NQ-ĐHCD ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2022 với số tiền: 712.661.991 đồng

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2023 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2023 VND
UBND tỉnh Bến Tre	36,00%	4.680.000.000	36,00%	4.680.000.000
Trần Ngọc Sơn	0,24%	31.000.000	0,24%	31.000.000
Huỳnh Văn Nhường	0,00%	-	19,31%	2.510.870.000
Công ty TNHH Xây Dựng Phan Đình	63,76%	8.289.000.000	44,45%	5.778.130.000
	100%	13.000.000.000	100%	13.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.000.000.000	13.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	13.000.000.000	13.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	13.000.000.000	13.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	712.661.991	976.893.092

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.300.000	1.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.300.000	1.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.300.000	1.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.300.000	1.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.300.000	1.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	140.000.000	140.000.000
	140.000.000	140.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Tiếp theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.536.905.986	29.845.162.630
	26.536.905.986	29.845.162.630

6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.761.233.989	25.694.338.401
	22.761.233.989	25.694.338.401

6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.470.647	1.950.550
	2.470.647	1.950.550

6.4 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.781.813.940	1.460.011.916
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.525.318	315.326.429
Thuế, phí, lệ phí	311.059.094	318.030.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	93.260.701	90.266.601
Chi phí khác bằng tiền	641.944.107	1.056.216.490
	3.093.603.160	3.239.851.968

6.5 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	79.945.454	495.962.546
	79.945.454	495.962.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

6.6 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	7.751.592	265.495.186
Các khoản bị phạt	277.875.370	-
Chi phí khác	158.870.419	-
	444.497.381	265.495.186

6.7 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	319.987.557	1.143.390.171
Các khoản điều chỉnh tăng	436.745.789	-
- Chi phí không hợp lệ	436.745.789	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	756.733.346	1.143.390.171
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	151.346.669	228.678.034
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	38.678.034	33.675.812
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(38.678.034)	(223.675.812)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	151.346.669	38.678.034

6.8 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	168.640.888	914.712.137
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	168.640.888	914.712.137
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.300.000	1.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	130	704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

6.9 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.843.913.222	14.962.082.925
Chi phí nhân công	8.268.898.089	6.013.620.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	428.195.760	500.417.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	330.484.405	752.899.752
Chi phí khác bằng tiền	6.244.451.123	9.568.239.715
	24.115.942.599	31.797.260.731

7 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

8 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thông tin về các bên liên quan trong năm 2023 và tại ngày lập báo cáo này:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xây Dựng Phan Đình	Thành viên góp vốn

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023
		VND
Cho thuê văn phòng		
Công ty TNHH Xây Dựng Phan Đình	Thành viên góp vốn	120.000.000
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:		
	Mối quan hệ	31/12/2023
		VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH Xây Dựng Phan Đình	Thành viên góp vốn	66.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm Soát

Năm 2023

VND

630.834.000

8 SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, đã được Công ty TNHH Kiểm toán I.T.O kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Phát Nguyễn

Kế toán trưởng



Nguyễn Phát Nguyễn

Bến Tre, ngày 11 tháng 06 năm 2024

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Truyền